**Tiết 26**

**Ngày soạn: 12/10/2016**

**Tiếng Việt**

**THỰC HÀNH VỀ NGHĨA CỦA TỪ TRONG SỬ DỤNG**

**A. Mức độ cần đạt**

- Củng cố và nâng cao các hiểu biết về các phương thức chuyển nghĩa của từ và hiện tượng nhiều nghĩa, hiện tượng đồng nghĩa;

- Có kĩ năng sử dụng từ theo các nghĩa chuyển khác nhau, lĩnh hội các nghĩa của từ, lĩ năng lựa chọn từ đồng nghĩa cho thích hợp ngữ cảnh.

**B. Trọng tâm kiến thức, kĩ năng**

1. **Kiến thức**

- Sự chuyển nghĩa và tính nhiều nghĩa cảu từ trong sử dụng: trong hoạt động giao tiếp, từ thường có sự chuyển nghĩa theo hai phương thức chủ yếu là ẩn dụ và hoán dụ. Sự chuyển nghĩa của từ diễn ra đồng thời với sự chuyển tên gọi từ đối tượng này sang đối tượng khác, khi nhận ra một mối quan hệ nào đó (tương đương hoặc tương cận) giữa các đối tượng. Kết quả: từ có nhiều nghĩa – có nghĩa ổn định, có nghĩa lâm thời. Các nghĩa có quan hệ với nhau. Khác với nghĩa của từ nhiều nghĩa, từ đồng âm không có quan hệ về nghĩa.

- Hiện tượng đồng nghĩa và từ đồng nghĩa. Các từ đồng nghĩa có hình thức âm thanh khác nhau, nhưng nghĩa cơ bản giống nhau, chỉ khác về sắc thái biểu cảm, sắc thái phong cách hoặc phạm vi sử dụng. Khi sử dụng, cần lựa chọn trong số những từ đồng nghĩa từ nào có ý nghĩa và sắc thái thích hợp nhất với ngữ cảnh giao tiếp.

**2. Kĩ năng**

- Nhận biết và phân tích các nghĩa khác nhau của từ.

- Lĩnh hội và phân tích sự khác biệt cũng giá trị của từ trong nhóm từ đồng nghĩa khi từ được lựa chọn sử dụng ở lời nói.

- Dùng từ theo nghĩa mới phù hợp với ngữ cảnh, lựa chọn từ đồng nghĩa khi sử dụng.

**C . Phương tiện và cách thức tiến hành:**

- Sách chuẩn kiến thức, kĩ năng môn Ngữ văn lớp 11, Sách giáo dục kĩ năng sống cho học sinh, Sách giáo khoa, Sách giáo viên, thiết kế bài giảng, tài liệu tham khảo về tác phẩm…

**-** Kết hợp các phương pháp: Đọc – hiểu, gợi mở, phát vấn, trao đổi thảo luận, bảng phụ.

**D. Tiến trình lên lớp**

**1. Ổn định lớp**

**2. Kiểm tra bài cũ**

- Cho ví dụ về một thành ngữ? Phân tích giá trị hình tượng và giá trị biểu cảm?

**3. Bài mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung cần đạt** |
| **Hướng dẫn học sinh luyện tập**   1. Tìm hiểu từ lá trong câu thơ “lá vàng…vèo” của bài thơ “thu điếu” được dùng theo nghĩa gốc hay nghĩa chuyển. 2. Xác định nghĩa của từ “lá”trong các trường hợp ở câu b, cho biết cơ sở và phương thức chuyển nghĩa của từ “lá”.   GV nhắc lại kiến thức về việc sử dụng từ theo phương thức chuyển nghĩa.  - Yêu cầu hs lên bảng thực hiện, các hs khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.  - Yêu cầu hs lên bảng thực hiện, các hs khác theo dõi, nhận xét, bổ sung. | **Bài tập 1**   * 1. Từ “lá” được dùng theo nghĩa gốc: chỉ bộ phận của cây, thường ở trên ngọn hay trên cành cây, có màu xanh, hình dáng mỏng, dẹt.   2. Các trường hợp sử dụng khác của từ “lá” * Lá dùng với các từ chỉ bộ phận cơ thể người * “lá” dùng với các từ chỉ vật bằng giấy * “Lá” dùng với các từ chỉ vật bằng vải * “lá” dùng với các từ chỉ vật bằng tre, nứa, cỏ,… * “Lá” dùng với các từ chỉ kim loại   ⭢ Điểm chung của từ “lá” ở các trường hợp: Các vật có hình dáng mỏng, dẹt như lá cây.  **Bài tập 2.**  Gợi ý:   * Thường dùng nhất là các từ: tay, chân, đầu, miệng, tim, mắt lưỡi,..   Vd: - Trinh sát của ta đã tóm được một cái “lưỡi”. (ý nói bắt được một tù binh để khai thác tin tức bí mật của đối phương – cái lưỡi là cơ quan có chức năng truyền đạt thông tin của con người).   * Nó thường giữ chân hậu vệ trong đội bóng của trường. * Nhà ông ấy có năm “miệng” ăn. * Giăng Van-giăng trong truyện “những người khốn khổ” là một trái tim nhân hậu. * Đó là những “gương mặt” mới trong làng giải trí Việt Nam. * Tám Râu là tên tai mắt gian xảo của Việt gian.   **Bài tập 3**  Các từ chỉ vị giác là: mặn, ngọt, chua, cay, đắng, chát, bùi,…  - Đặc điểm âm thanh, lời nói:  + Nói ngọt lọt đến xương  + Cô ta thường vẫn nói những lời chua chát.  + Họ trao cho nhau những lời mời mặn nồng, thắm thiết  - Mức độ tình cảm, cảm xúc:  + Tình cảm ngọt ngào của mọi người làm tôi rất xúc động.  + Nó đã nhận ra nỗi cay đắng trong cuộc sống hôn nhân.  + Anh ấy đang mải mê nghe câu chuyện bùi tai.  **Bài tập 4.**  Gợi ý:  - Từ “cậy” có từ “nhờ” là từ đồng nghĩa. Chúng có sự giống nhau về nghĩa: bằng lời nói, tác động đến người khác với mục đích mong muốn họ giúp mình làm một việc gì đó.  - “ Cậy” khác “nhờ”: Cậy thể hiện được niềm tin tưởng, hi vọng.  - Từ “chịu” có các từ đồng nghĩa là nhận, nghe, vâng: chỉ sự đồng ý, chấp thuận với lời người khác.  + Nhận: sự tiếp nhận, đống ý một cách bình thường  + Nghe, vâng: đồng ý, chấp thuận của kẻ dưới đối với bề trên, thể hiện thái độ ngoan ngoãn, kính trọng  + Chịu: thuận theo lời người khác, không thể không nhận lời, có ý van nài, ép buộc.  **Bài tập 5**  Gợi ý:  a. Chọn canh cánh vì:   * Các từ khác nếu dùng, chỉ nói đến một tấm lòng nhớ nước như một đặc điểm nội dung của tác phẩm “nhật kí trong tù” * Từ canh cánh khắc hoạ tâm trạng day dứt , triền miên của HCM. Khi dùng từ “canh cánh” thì cụm từ “Nhật kí trong tù” được chuyển nghĩa: không chỉ thể hiện tác phẩm, mà còn biểu hiện con người, tức tác giả.   b. Chỉ có thể dùng từ *liên can*. Còn các từ khác không phù hợp về ngữ nghĩa hoặc kết hợp ngữ pháp.  c. Các từ *bầu bạn, bạn hữu, bạn, bạn bè* đều có nghĩa chung là bạn, nhưng khác nhau ở chỗ:  - Bầu bạn: có nghĩa khái quát, chỉ cả một tập thể nhiều người, có sắc thái gần gũi khẩu ngữ. Ở câu văn này, chủ ngữ nói đến VN ( số ít) nên không thể dùng từ bầu bạn.  - Bạn hữu: lại có ý nghĩa cụ thể, chỉ những người bạn thân thiết, cho nên không phù hợp để nói về các quốc gia.  - Bạn bè cũng có nghĩa khái quát và có sắc thái thân mật, nhưng VN (số ít) nên không thể dùng từ này.  Do vậy câu này chỉ có thể dùng từ bạn. |

**4. Củng cố, dặn dò**:

- Ôn tập văn học trung đại Việt Nam.

**E. Rút kinh nghiệm**